

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 469/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/4/2021  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhon
2. Bà Nguyễn Thị Bình Thân

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đỗ Tường Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:**  
Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2021 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 314/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị A .

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B.

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 19/02/2020, tại bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn là bà Trần Thị A trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 17/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/KH/2006, quyền số 01/HT.

Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, không thể hàn gắn. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 13/4/2002, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh B:*

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông B. Ông B đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tiến hành giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có đơn đề ngày 16/4/2021 xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông B.

Bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số 52/PB-VKS/HNGĐ ngày 19/4/2021.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Quan hệ giữa bà Trần Thị A và ông Nguyễn Thanh B là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, do ông B cư trú tại quận Bình Thạnh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

### **2. Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập xét xử hợp lệ đối với bị đơn hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Về phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/4/2021. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt các đương sự.

### **3. Về yêu cầu của các đương sự:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 09/KH/2006, quyền số 01/HT, ngày 17/3/2006 của Ủy ban nhân dân xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thể hiện hôn nhân giữa bà Trần Thị A và ông Nguyễn Thanh B là hợp pháp.

Nay nguyện vọng của bà A muốn ly hôn với ông B vì lý do tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét,

Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng

nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà A và ông B trong thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do giữa hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, tính cách không phù hợp, nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài. Hai bên không thể hàn gắn được, hiện nay bà A không còn tình cảm với ông B. Vì vậy, nguyện vọng của bà A xin được ly hôn với ông B là có cơ sở nên được chấp nhận.

*Về con chung:*

Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh số 16/KS/2006, quyển số 01/HT đăng ký ngày 18/3/2006 do Ủy ban nhân dân xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp sao ngày 20/7/2009 đã có đủ cơ sở thể hiện giữa bà A và ông B có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 13/4/2002, đã trưởng thành.

*Về tài sản chung:* Bà A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*Về án phí DSST:* 300.000 đồng, bà A phải đóng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 13/4/2002, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí DSST: là 300.000 đồng, bà A phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0017769 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS (P).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Huệ**